

Số: /TTr-BQL

Đắk Hà, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá Tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; Công văn 1949/BTP-BTTP ngày 14 tháng 06 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022, của UBND tỉnh Kon Tum V/v Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi bổ sung một số điều Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đắk Hà về phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đắk Hà Về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao

đất có thu tiền sử dụng đất đối với Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đăk Hà về việc phê duyệt giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất - Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Hà thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, với các nội dung sau:

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

1. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Đăk Hà; Địa chỉ: TDP 1, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

2. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Hà (được UBND huyện Đăk Hà giao quản lý, triển khai đấu giá quyền sử dụng đất); Địa chỉ: Số 25 đường Hà Huy Tập, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

II. TÊN TÀI SẢN, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN ĐẤU GIÁ, HÌNH THỨC ĐẤU GIÁ

1. Tên tài sản đấu giá: Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với Dự án: Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

2. Diện tích, số lượng, vị trí tài sản đấu giá: Tổng diện tích đất đấu giá quyền sử dụng đất là: 38.707,8 m², với 137 thửa đất; tại địa bàn thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà như sau: (Lô đất DO1: 1044,3 m², gồm 04 thửa đất; Lô đất DO4: 4349,4 m², gồm 16 thửa đất; Lô đất DO2: 4347,8 m², gồm 16 thửa đất; Lô đất DO3: 3453,9m², gồm 13 thửa đất; Lô đất DO13: 5353,5 m², gồm 16 thửa đất; Lô đất DO5: 3815,1m², gồm 14 thửa đất; Lô đất DO8: 3235,5m², gồm 11 thửa đất; Lô đất DO6: 3230,8, gồm 11 thửa đất; Lô đất DO9: 3817,0 gồm 14 thửa đất; Lô đất DO12: 1166,9 gồm 04 thửa đất; Lô đất DO10: 1165,4 gồm 04 thửa đất; Lô đất DO11: 3728,2 gồm 14 thửa đất) tại 01 vị trí.

3. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

4. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

5. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu gián tiếp, theo phương thức trả giá lên.

III. GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ.

- Tổng giá khởi điểm là: 32.366.797.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn).

- Giá khởi điểm cụ thể các lô đất theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đăk Hà.

(Có Bảng chi tiết giá khởi điểm đấu giá QSDĐ và giao đất có thu tiền sử dụng đất kèm theo)

IV. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN.

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các nội dung Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản 01/2016/QH14; Điều 3 và Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá, Cụ thể:

1. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
2. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
3. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
4. Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
6. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0

4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
II	<i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i>	22,0
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	<i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</i>	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0

3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.	5,0
	Tổng điểm	100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ĐỂ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Phương pháp chấm điểm

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đắk Hà thành lập Tổ đánh giá để đánh giá các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Tổ đánh giá căn cứ thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản, sử dụng Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại Mục IV để xét, chấm điểm theo từng tiêu chí. Hồ sơ bị loại khi các đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: (i) không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố; (ii) không đảm bảo điều kiện về thời gian nộp hồ sơ, thành phần hồ sơ; (iii) thuộc các trường hợp theo khoản 7 Điều 5, Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Tổ chức đấu giá tài sản đáp ứng tiêu chí nào thì chấm điểm đối với tiêu chí đó, nếu không đáp ứng hoặc không chứng minh được việc đáp ứng tiêu chí thì tiêu chí đó không có điểm.

- Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có số điểm cao nhất của các tiêu chí cộng lại.

2. Các trường hợp trừ điểm Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Xử lý các trường hợp khác.

Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Tổ đánh giá ghi nhận lại hồ sơ, lập biên bản, xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đấu giá tài sản đó dựa trên điểm số tại các nhóm tiêu chí theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

+ Nhóm tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

+ Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

+ Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp; các nhóm tiêu chí còn lại.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. Thời gian nộp hồ sơ: Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo này (trong giờ hành chính).

2. Địa điểm nộp hồ sơ:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Hà

- Địa chỉ: Số 25 đường Hà Huy Tập, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum..

- Điện thoại: 02603.822.870

3. Thành phần hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

+ Các giấy tờ, tài liệu, hình ảnh chứng minh có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Mục IV Thông báo này trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của đơn vị mình (bản đánh máy hoặc bản chụp; không bắt buộc phải nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ được đóng thành quyển (hồ sơ sắp xếp theo thứ tự các tiêu chí yêu cầu tại Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức ĐGTS), có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Hồ sơ phải được niêm phong đầy đủ đúng quy định, nếu không có niêm phong xem như không hợp lệ.

*** Lưu ý:**

- Tổ chức đấu giá tài sản phải tự chịu trách nhiệm đối với tính chính xác của thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ Hộ chiếu).

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Hà sẽ không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả đối với những đơn vị không được lựa chọn.

- Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin sau (nếu có):

+ Người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản;

+ Tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính;

+ Tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Tổ chức đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn và phải chịu hậu quả bất lợi do kê khai không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình mở hồ sơ, kiểm tra, xem xét lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, trường hợp có thông tin phản ánh về việc tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đắk Hà sẽ gửi văn bản xác minh thông tin đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo đảm tính chính xác, khách quan và công bằng trong việc đánh giá, chấm điểm.

Thông báo này được công khai trên trang thông tin điện tử huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum (<http://huyendakha.kontum.gov.vn>); trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp (<https://dgt.s.moj.gov.vn>), theo quy định.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đắk Hà trân trọng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản có đủ điều kiện, năng lực được biết và đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đăng t/b);
- Cổng thông tin điện tử của UBND huyện Đắk Hà (hỗ trợ đăng tải lên trang TTĐT);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường (đ/b);
- Phòng TC-KH (đ/b);
- Phòng Tư pháp (đ/b);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Mười

PHỤ LỤC

CHI TIẾT GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẤU GIÁ QSDĐ VÀ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Tại các lô đất DO1, DO4, DO2, DO3, DO13, DO5, DO8, DO6, DO9, DO12, DO10, DO11 Thuộc Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum)

STT	Thông tin thửa đất đấu giá				Tổ chức tư vấn xác định giá đất đề xuất giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất	
	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Diện tích	Địa chỉ thửa đất	Giá đất (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Lô đất số DO 1, gồm: 4 thửa đất		1.044,3			1.012.971.000
1	2	160	260,0	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	970.000	252.200.000
2	3	160	260,9		970.000	253.073.000
3	4	160	261,4		970.000	253.558.000
4	5	160	262,0		970.000	254.140.000
II	Lô đất số DO 4, gồm: 16 thửa đất		4.349,4			3.523.014.000
5	16	160	271,9	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	220.239.000
6	17	160	271,9		810.000	220.239.000
7	18	160	271,9		810.000	220.239.000
8	19	160	271,9		810.000	220.239.000
9	20	160	271,9		810.000	220.239.000
10	21	160	271,9		810.000	220.239.000
11	22	160	271,8		810.000	220.158.000

12	23	160	271,8		810.000	220.158.000
13	24	160	271,8		810.000	220.158.000
14	25	160	271,8		810.000	220.158.000
15	26	160	271,8		810.000	220.158.000
16	27	160	271,8		810.000	220.158.000
17	28	160	271,8		810.000	220.158.000
18	29	160	271,8		810.000	220.158.000
19	30	160	271,8		810.000	220.158.000
20	31	160	271,8		810.000	220.158.000
III	Lô đất số DO 2, gồm: 16 thửa đất		4.347,8			3.521.718.000
21	32	160	271,7	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	220.077.000
22	33	160	271,7		810.000	220.077.000
23	34	160	271,7		810.000	220.077.000
24	35	160	271,7		810.000	220.077.000
25	36	160	271,7		810.000	220.077.000
26	37	160	271,7		810.000	220.077.000
27	38	160	271,7		810.000	220.077.000
28	39	160	271,7		810.000	220.077.000
29	40	160	271,7		810.000	220.077.000
30	41	160	271,7		810.000	220.077.000
31	42	160	271,8		810.000	220.158.000
32	43	160	271,8		810.000	220.158.000
33	44	160	271,8		810.000	220.158.000
34	45	160	271,8		810.000	220.158.000
35	46	160	271,8		810.000	220.158.000
36	47	160	271,8		810.000	220.158.000

IV	Lô đất số DO 3, gồm: 13 thửa đất		3.453,9			2.797.659.000
37	49	160	255,2	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	206.712.000
38	50	160	256,9		810.000	208.089.000
39	51	160	258,7		810.000	209.547.000
40	52	160	260,4		810.000	210.924.000
41	53	160	262,2		810.000	212.382.000
42	54	160	263,9		810.000	213.759.000
43	55	160	265,7		810.000	215.217.000
44	56	160	267,4		810.000	216.594.000
45	57	160	269,2		810.000	218.052.000
46	58	160	270,9		810.000	219.429.000
47	59	160	272,7		810.000	220.887.000
48	60	160	274,5		810.000	222.345.000
49	61	160	276,2		810.000	223.722.000
V	Lô đất số DO 13, gồm: 16 thửa đất		5.353,5			3.961.590.000
50	63	160	475,9	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	740.000	352.166.000
51	64	160	372,7		740.000	275.798.000
52	65	160	367,5		740.000	271.950.000
53	66	160	362,2		740.000	268.028.000
54	67	160	357,0		740.000	264.180.000
55	68	160	351,8		740.000	260.332.000
56	69	160	346,6		740.000	256.484.000
57	70	160	340,6		740.000	252.044.000
58	71	160	329,3		740.000	243.682.000
59	72	160	317,0		740.000	234.580.000
60	73	160	304,7		740.000	225.478.000

61	74	160	292,3		740.000	216.302.000
62	75	160	280,0		740.000	207.200.000
63	76	160	267,7		740.000	198.098.000
64	77	160	255,3		740.000	188.922.000
65	78	160	332,9		740.000	246.346.000
VI	Lô đất số DO 5, gồm: 14 thửa đất		3.815,1			3.700.647.000
66	80	160	275,4	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	970.000	267.138.000
67	81	160	275,0		970.000	266.750.000
68	82	160	274,5		970.000	266.265.000
69	83	160	274,1		970.000	265.877.000
70	84	160	273,6		970.000	265.392.000
71	85	160	273,2		970.000	265.004.000
72	86	160	272,7		970.000	264.519.000
73	87	160	272,3		970.000	264.131.000
74	88	160	271,9		970.000	263.743.000
75	89	160	271,4		970.000	263.258.000
76	90	160	271,0		970.000	262.870.000
77	91	160	270,5		970.000	262.385.000
78	92	160	270,0		970.000	261.900.000
79	93	160	269,5		970.000	261.415.000
VII	Lô đất số DO 8, gồm: 11 thửa đất		3.235,5			2.620.755.000
80	95	160	294,2	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	238.302.000
81	96	160	294,2		810.000	238.302.000
82	97	160	294,2		810.000	238.302.000
83	98	160	294,2		810.000	238.302.000
84	99	160	294,1		810.000	238.221.000

85	100	160	294,1		810.000	238.221.000
86	101	160	294,1		810.000	238.221.000
87	102	160	294,1		810.000	238.221.000
88	103	160	294,1		810.000	238.221.000
89	104	160	294,1		810.000	238.221.000
90	105	160	294,1		810.000	238.221.000
VIII	Lô đất số DO 6, gồm: 11 thửa đất		3.230,8			2.616.948.000
91	108	160	293,8	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	237.978.000
92	109	160	293,8		810.000	237.978.000
93	110	160	293,8		810.000	237.978.000
94	111	160	293,7		810.000	237.897.000
95	112	160	293,7		810.000	237.897.000
96	113	160	293,7		810.000	237.897.000
97	114	160	293,7		810.000	237.897.000
98	115	160	293,7		810.000	237.897.000
99	116	160	293,7		810.000	237.897.000
100	117	160	293,6		810.000	237.816.000
101	118	160	293,6		810.000	237.816.000
IX	Lô đất số DO 9, gồm: 14 thửa đất		3.817,0			3.702.490.000
102	2	161	276,0	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	970.000	267.720.000
103	3	161	275,7		970.000	267.429.000
104	4	161	275,2		970.000	266.944.000
105	5	161	274,6		970.000	266.362.000
106	6	161	274,0		970.000	265.780.000
107	7	161	273,5		970.000	265.295.000
108	8	161	273,0		970.000	264.810.000

109	9	161	272,4		970.000	264.228.000
110	10	161	271,9		970.000	263.743.000
111	11	161	271,4		970.000	263.258.000
112	12	161	270,8		970.000	262.676.000
113	13	161	270,3		970.000	262.191.000
114	14	161	269,6		970.000	261.512.000
115	15	161	268,6		970.000	260.542.000
X	Lô đất số DO 12, gồm: 4 thửa đất		1.166,9			945.189.000
116	17	161	291,8	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	236.358.000
117	18	161	291,7		810.000	236.277.000
118	19	161	291,7		810.000	236.277.000
119	20	161	291,7		810.000	236.277.000
XI	Lô đất số DO 10, gồm: 4 thửa đất		1.165,4			943.974.000
120	21	161	291,2	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	235.872.000
121	22	161	291,3		810.000	235.953.000
122	23	161	291,4		810.000	236.034.000
123	24	161	291,5		810.000	236.115.000
XII	Lô đất số DO 11, gồm: 14 thửa đất		3.728,2			3.019.842.000
124	26	161	260,9	Thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	810.000	211.329.000
125	27	161	261,7		810.000	211.977.000
126	28	161	262,6		810.000	212.706.000
127	29	161	263,4		810.000	213.354.000
128	30	161	264,3		810.000	214.083.000
129	31	161	265,2		810.000	214.812.000
130	32	161	266,1		810.000	215.541.000

131	33	161	266,9		810.000	216.189.000
132	34	161	267,7		810.000	216.837.000
133	35	161	268,4		810.000	217.404.000
134	36	161	269,2		810.000	218.052.000
135	37	161	269,9		810.000	218.619.000
136	38	161	270,6		810.000	219.186.000
137	39	161	271,3		810.000	219.753.000
TỔNG CỘNG (I+II+III...+XII):			38.707,8			32.366.797.000

